TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG
Số: 08/2018/DSST
Ngày 08 tháng 5 năm 2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Vinh; Ông Trần Thành Đô

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Nguyễn Văn Sang – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: ông Trần Văn Mạnh – kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018 Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 76/2017/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Chị Thân Thị H, sinh năm: 1963 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn ĐP2, xã PhM, huyện LG, tỉnh BG

*Bị đơn: 1. anh Nguyễn Ngọc C , sinh năm: 1967 (có mặt)

2. Chị Nguyễn Thị B, sinh năm: 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn ĐP1, xã PhM, huyện LG, tỉnh BG

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 07/9/2017, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Thân Thị H trình bày: Chị và vợ chồng anh Nguyễn Ngọc C, chị Nguyễn Thị B có quan hệ quen biết với nhau. Ngày 11/02/2010 chị đã cho vợ chồng anh C, chị B vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), anh C, chị B nói vay để đảo nợ Ngân hàng, không thỏa thuận lãi suất, hẹn trả ngày 11/3/2010, chị B, anh C đã viết biên nhận và ký nhận vào giấy vay nợ. Sau đó đến hạn thanh toán anh C, chị B không trả, chị có đến đòi nhiều lần nhưng vợ chồng anh C chỉ khất nợ. Ngày 11/11/2015, chị B hỏi mượn tiếp 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) nói để lấy vốn mở hàng ăn, sau đó trả nợ cho chị. Với mong muốn tạo điều kiện giúp đỡ anh C, chị B có cơ hội làm ăn để trả nợ cho chị nên chị đã nhất trí. Khi đó, chị B đã viết lại giấy vay và ghi tổng số nợ cả hai lần là 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng). Giấy vay không ghi ngày trả, nhưng chị B hứa hẹn cuối tháng 11/2015 sẽ trả 25.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ trả theo hình thức mỗi ngày trả 500.000 đồng cho đến hết. Tuy nhiên, đến hết tháng chị B, anh Cg không trả nợ, sau đó chị đến đòi thì khất nợ, trốn tránh. Từ 2015 đến nay,

chị đã đòi nhiều lần thì anh C, chị B có trả được một số lần, tổng cộng được 14.000.000 đồng. Như vậy, số nợ gốc còn lại là 111.000.000 đồng (một trăm mười một triệu đồng). Nay chị yêu cầu vợ chồng anh C, chị B trả cho chị số tiền trên. Về tiền lãi, tại đơn khởi kiện chị yêu cầu nhưng đến nay không yêu cầu nữa.

Bị đơn chị Nguyễn Thị B tại biên bản ghi lời khai ngày 27/10/2017 trình bày: Vợ chồng chị có vay tiền của chị Thân Thị Hn nhiều lần và đến ngày 11/02/2010 chị và anh C có viết giấy vay nợ của chị H số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), mục đích vợ chồng chị vay số tiền trên để làm ăn kinh doanh. Tại giấy vay nợ có ghi ngày thanh toán là 11/3/2010, về lãi suất không ghi trong giấy vay nhưng hai bên có thỏa thuận miệng tính lãi là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Sau đó, vợ chồng chị đã trả được cho chị H 82.000.000 đồng (tám mươi hai triệu đồng), còn nợ lại chị H 18.000.000 đồng. Do tin tưởng nhau nên khi thanh toán vợ chồng chị không viết giấy thanh toán, cũng không lấy lại giấy vay tiền. Đến ngày 11/11/2015, vợ chồng chị có vay của chị H 25.000.000 đồng, đồng thời chị có viết giấy vay chị H 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng). Trong đó có số tiền nợ mới 25.000.000 đồng, còn 100.000.000 đồng là số tiền nợ cũ, theo giấy vay này thì không thỏa thuận về thời hạn thanh toán và lãi suất. Đối với khoản vay 25.000.000 đồng vợ chồng chị đã trả cho chị H được 16.000.000 đồng, những lần thanh toán này mỗi lần chỉ vài triệu nên vợ chồng chị không lập giấy thanh toán. Nay chị H yêu cầu vợ chồng chị phải trả khoản tiền 111.000.000 đồng gốc, vợ chồng chị không đồng ý trả, mà chỉ đồng ý trả số tiền 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật. Chị không yêu cầu trợ giúp pháp lý.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc C trình bày: Anh xác nhận ngày 11/2/2010 vợ chồng anh có ký nhận vay chị Thân Thị H số tiền 100.000.000 đồng, có viết giấy vay, có hẹn ngày thanh toán 11/3/2010. Trong giấy vay không ghi lãi suất song hai bên thỏa thuận là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Số tiền 100.000.000 đồng ghi trong giấy vay ngày 11/2/2010 là do vợ chồng anh đã vay mấy chục triệu trước đó để làm ăn, sau đó cộng dồn gốc và lãi suất thành 100.000.000 đồng thì chị H yêu cầu vợ chồng anh viết lại giấy vay nợ nên vợ chồng anh viết. Thời hạn thanh toán có ghi 11/3/2010, nhưng thực tế chị H cho vợ chồng anh trả gốc và lãi dần. Tính trong khoảng hai năm tiếp sau đó vợ chồng anh đã trả được 82.000.000 đồng tiền vay gốc và tiền lãi thì trả riêng nên số nợ gốc còn 18.000.000 đồng. Sau này vợ chồng anh không trả được tiếp vì anh phải chạy thận, chị H có đồng ý cho dãn nợ. Đến ngày 11/11/2015, chị H đã bắt vợ anh viết lại giấy vay nợ 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu), chị B đã viết. Anh xác định số tiền 125.000.000 đồng viết trong giấy vay ngày 11/11/2015 không phải tiền vay gốc. Số nợ gốc thực tế vợ chồng anh còn nợ chị H chỉ là 18.000.000 đồng, chị H xác định còn nợ 111.000.000 đồng là không đúng, anh không chấp nhận. Về giấy tờ thanh toán thì vợ chồng anh không có, khi anh trả có một lần anh H ở SL biết anh đã trả 3.000.000 đồng và một lần trả 3.000.000 đồng thì chị H ở Ngân hàng nông nghiệp trả hộ anh. Còn lại những lần khác anh và vợ anh trả đều không có giấy tờ gì. Nay nếu chị H đồng ý tính cả gốc và lãi là 50.000.000 đồng thì anh nhất trí trả, và xin trả dần, nếu chị H kiên quyết đòi 111.000.000 đồng anh không nhất trí,

đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật. Gia đình anh thuộc diện hộ nghèo, anh không yêu cầu trợ giúp pháp lý.

Tại phiên tòa, chị Thân Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu vợ chồng anh C, chị B thanh toán trả số tiền vay gốc là 111.000.000 đồng (một trăm mười một triệu đồng). Chị H không yêu cầu tính lãi suất từ ngày vay cho đến ngày xét xử, yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và chị có đơn yêu cầu thi hành án.

Anh Nguyễn Ngọc C có mặt, vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày. Chị Nguyễn Thị B đã được triệu tập hợp lệ song vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tại phiên toà đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo thực hiện nghiêm túc, không có vi phạm. Đối với bị đơn anh C, chị B chưa thực sự nghiêm túc chấp hành các báo gọi của Tòa án đến làm việc, đến tham gia phiên tòa. Về nội dung tranh chấp, kiểm sát viên xác định việc Tòa án thụ lý xác định là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản là đúng. Trên cơ sở các lời khai của nguyên đơn, bị đơn và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn xuất trình thì có đủ căn cứ để xác định chị Thân Thị H đã cho anh Nguyễn Ngọc C, chị Nguyễn Thị B vay số tiền 100.000.000 đồng ngày 11/2/2010 và 25.000.000 đồng ngày 11/11/2015. Việc anh C, chị B xác định đã trả tiền cho chị H là không có cơ sở, không có chứng cứ chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 26, 35, 39, 227, 228, 271, 273 bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 472, 473, 474 Bộ luật dân sự 2005; áp dụng điểm c, d khoản 1 điều 668; điều 357; khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Buộc vợ chồng anh Nguyễn Ngọc C, chị Nguyễn Thị B trả chị Thân Thị H số tiền 111.000.000 đồng (một trăm mười một triệu đồng). về án phí: áp dụng điều 12 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí cho anh Cg, chị B do thuộc hộ nghèo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn khởi kiện của chị Thân Thị H cùng tài liệu, chứng cứ đã nộp hoàn toàn hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức và nội dung đơn khởi kiện, về chủ thể có quyền khởi kiện.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản giữa các bên, thời hiệu khởi kiện được xem xét theo quy định tại điều 688, 429 của Bộ luật dân sự 2015. Theo giấy vay ngày 11/11/2015, không ghi ngày thanh toán, chị H khai có thỏa thuận ngoài, chị B cam kết trả vào cuối tháng 11/2015 số tiền 25.000.000 đồng, còn lại 100.000.000 đồng trả dần mỗi ngày 500.000 đồng cho đến hết, còn anh C, chị B khai không thỏa thuận thời hạn thanh toán, nhưng thừa nhận chị H đã thông báo, đòi vợ chồng anh số tiền trên nhiều lần trước khi khởi kiện, do đó, chị H khởi kiện ra Tòa án và thời hiệu khởi kiện đảm bảo theo quy định.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang đã thực hiện đúng trình tự thủ tục, tố tụng theo quy định của pháp luật, đảm bảo cho các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn là chị Nguyễn Thị B, tuy nhiên, chị B đã được triệu tập hợp lệ nhưng đây là phiên tòa thứ hai chị B vắng mặt không có lý do, anh C khai chị Bình phải đi làm nên không đến phiên tòa, do đó HĐXX căn cứ quy định tại điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ kiện.

[4] Về nội dung tranh chấp:

Theo đơn khởi kiện cùng tài liệu do nguyên đơn xuất trình gồm giấy vay tiền ngày 11/2/2010 do anh Nguyễn Ngọc C và chị Nguyễn Thị B viết nội dung vay của chị Thân Thị H số tiền 100.000.000 đồng và giấy vay ngày 11/11/2015 do chị Nguyễn Thị B viết ghi vợ chồng chị B, anh C có vay của chị H tổng số tiền 125.000.000 đồng. Chị Thân Thị H xác định, giấy vay ngày 11/11/2015 là viết tổng khoản vay 100.000.000 đồng của ngày 11/2/2010 và 25.000.000 đồng vay ngày 11/11/2015, xác nhận vợ chồng anh C, chị B đã thanh toán được 14.000.000 đồng trừ vào tiền vay gốc, còn lại 111.000.000 đồng tiền vay gốc chưa thanh toán. Vợ chồng chị B, anh C thừa nhận có viết hai giấy vay tiền trên, nhưng cho rằng đã thanh toán gần hết nên không chấp nhận còn khoản tiền nợ 111.000.000 đồng. Về lời khai của chị B, anh C về việc vay tiền, thanh toán cho thấy, chị B thì xác nhận có hai lần vay tiền, ngày 11/2/2010 vay 100.000.000 đồng và ngày 11/11/2015 vay 25.000.000 đồng, tuy nhiên anh C lại khai có một lần vay mấy chục triệu rồi sau đó cộng dồn gốc và lãi thành 100.000.000 đồng đến ngày 11/2/2010 thì viết giấy vay, sau đó vợ chồng anh tiếp tục trả gốc và lãi nhưng đến ngày 11/11/2015 chị H lại yêu cầu viết lại giấy vay là 125.000.000 đồng. Về việc thanh toán thì chị B xác định khoản vay 100.000.000 đồng vợ chồng chị đã trả được 82.000.000 đồng tiền vay gốc, còn lại 18.000.000 đồng gốc và khoản vay 25.000.000 đồng đã trả được 16.000.000 đồng tiền vay gốc, còn lại 7.000.000 đồng gốc, anh C xác định số tiền vợ chồng anh còn nợ chỉ là 18.000.000 đồng. Như vậy, ngay lời khai của chị B, anh C đã mâu thuẫn về việc xác định khoản tiền vay, việc thanh toán. Về chứng cứ, anh C, chị B xác định đã thanh toán khoản tiền vay gốc 82.000.000 đồng và 16 triệu đồng song không có bất cứ chứng cứ nào khác để chứng minh. Bên cạnh đó, chị B, anh C khai đã trả được 82.000.000 đồng gốc trước khi vay khoản 25.000.000 đồng, song ngay giấy vay ngày 11/11/2015 vẫn ghi vay 125.000.000 đồng. Việc các đương sự khai mâu thuẫn về số tiền vay, tiền thanh toán Tòa án đã thực hiện đối chất giữa nguyên đơn, bị đơn, song chị H chỉ thừa nhận vợ chồng anh C, chị B đã trả được 14.000.000 đồng, không có chứng cứ nào khác chứng minh về việc thanh toán giữa các bên, do đó Tòa án xác định có việc chị H cho vợ chồng anh C, chị B vay 02 lần tiền với tổng số tiền là 125.000.000 đồng, việc thanh toán được nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã thanh toán 14.000.000 đồng, còn lại 111.000.000 đồng chưa thanh toán, được xác định là khoản tiền anh C, chị B còn nợ chị H, cần buộc chị B, anh C phải trả chị H.

[5] Về lãi suất: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Do anh C, chị B thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 điều 12 nghị quyết 326/2006/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên, HĐXX

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Các điều 26, điều 35; điều 39; Điều 147; 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng điểm c, d khoản 1 điều 668; điều 357; khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Các điều 471, 472, 473, 474 Bộ luật dân sự 2005; Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị Thân Thị H.

Buộc vợ chồng anh Nguyễn Ngọc C và chị Nguyễn Thị B phải thanh toán trả cho chị Thân Thị H số tiền 111.000.000 đồng (một trăm mười một triệu đồng).

* Án phí: Miễn án phí đối với anh Nguyễn Ngọc C, chị Nguyễn Thị B.

Hoàn trả chị Thân Thị H số tiền tạm ứng án phí 1.390.000 đồng tại biên lai thu số AA/2016/0004080 ngày 13/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết có thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
VKSND huyện Lạng Giang;
TAND Tỉnh Bắc Giang;
THADS huyện Lạng Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng